

# NGÔ MINGŨ

## & đời sống

TẠP CHÍ CỦA  
HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM

SỐ 8 (250) 2016

ISSN 0868 - 3409

- Xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn qua việc dùng từ địa phương
- Cơ chế hình thành và giải mã điển cố trong văn học trung đại
- Ngôn ngữ nghệ thuật của tiểu thuyết Những ngôi sao và những cột đèn
- Ngôn từ trong thơ bát
- Loại hình nhịp và nhịp thơ trong tiếng Việt
- Viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt
- Dạy từ mới cho học sinh tiểu học trong đọc hiểu văn bản
- Thành ngữ trong truyện ngắn dòng hàng sông Cửu Long
- Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận văn học
- Ngôn ngữ trong tuyển tập Chạy... của Hữu Thọ
- Phê bình văn học từ góc độ ngôn từ
- Sự ảnh hưởng của cú pháp trong truyện ngắn yêu nước 1945-1975
- Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết Người chó
- Tiếp cận bài ca dao ngử lễ trong *Bát số rừng* của Trần Thị
- Cấu trúc từ từ của phần dẫn nhập bài báo nghiên cứu tiếng
- Phát triển tư duy phê phán trong viết luận:  
tác động của diễn đàn trên facebook

**50** NĂM KHOA SU PHẠM  
1966 - 2016 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



# NGÔN NGỮ & đời sống LANGUAGE AND LIFE

TẠP CHÍ CỦA HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM  
A JOURNAL OF LINGUISTICS SOCIETY OF VIETNAM

**NĂM THỨ 22**  
Ra mỗi tháng một số  
Số 8 (250) - 2016

## BAN BIÊN TẬP

PGS.TS HOÀNG DŨNG  
TS. ĐƯƠNG KỶ ĐỨC  
TS. NGUYỄN VĂN HẢI  
PGS.TS PHAN VĂN HÒA  
GS.TSKH NGUYỄN QUANG HỒNG  
PGS.TS BÙI MẠNH HÙNG  
CN. PHAN ĐĂNG KHOA  
PGS.TS ĐẶNG NGỌC LÊ  
GS.TS ĐỖ THỊ KIM LIÊN  
PGS.TS TRẦN VĂN PHƯỚC  
TS. NGUYỄN THỊ KIM THANH  
PGS. TS. LÊ VĂN THANH  
GS.TSKH LÝ TOÀN THẮNG  
GS.TS LÊ QUANG THIỆM  
PGS.TS TẠ VĂN THÔNG  
TS. HUỖNH CÔNG TÍN  
PGS.TS NGUYỄN LÂN TRUNG

## TRỊ SỰ

TRƯ. ĐẶNG KIM DUNG

GPXB: 244/CP-BTTTT (7-8-2014)

Chỉ số: ISSN 0868 - 3409

In tại Hà Nội (Thành thị Quốc gia)

TRỤ SỞ TÒA SOẠN:

Tầng 1, nhà C, ngõ 301 đường

Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: (84) (04) 3.7624212. E-mail:

ngonnguadoisong@gmail.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:

TẠI ĐÀ NẴNG: 131 Lương Nhữ

Hiệp, quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng

ĐT: 0903110759

**Tổng biên tập: GS.TS Nguyễn Văn Khang**

**Phó Tổng biên tập: PGS.TS Phạm Văn Hào**

**PGS.TS Phan Văn Quế**

**NGUYỄN VĂN NỖ - NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA:** Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn của Sơn Nam (khảo sát qua việc dùng từ địa phương Nam Bộ).....

**NGUYỄN KIM CHÂU:** Cơ chế hình thành và giải mã điển cố trong văn học trung đại Việt Nam.....

**NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH:** Những sáng tạo trong ngôn ngữ nghệ thuật của tiểu thuyết *Những ngã tư và những cột đèn* của Trần Dần.....

**TRẦN VĂN MINH:** Vẻ đẹp ngôn từ trong tùy bút.....

**CHIM VĂN BÉ:** Loại hình nhíp và nhíp thơ tiếng Việt.....

**NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP:** Vấn đề viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt.....

**TRỊNH THỊ HƯƠNG & LỮ HÙNG MINH:** Dạy từ mới cho học sinh tiểu học trong đọc hiểu văn bản.....

**NGUYỄN THỤY THÙY DƯƠNG:** Giá trị biểu đạt của thành ngữ trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long.....

**LÊ THỊ NHIÊN:** Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận văn học (qua nghiên cứu loại hình kí).....

**NGUYỄN THỊ KIỀU OANH:** Tìm hiểu ngôn ngữ trong tuyển tập tiểu phẩm báo chí *Chạy...* của Hữu Thọ.....

**BÙI THỊ THÚY MINH:** Phê bình văn học trong tác phẩm văn chương từ góc độ ngôn từ của *Kim Thành Thân*.....

**BÙI THANH THẢO:** Sự ám ảnh của cú pháp trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975.....

**PHẠM TUẤN ANH:** Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết *Người chòm* của John Maxwell Coetzee.....

**TRẦN VĂN THỊNH:** Tiếp cận bài ca dao nghi lễ trong *Bởi đâu rừng U Minh Hạ* của nhà văn Sơn Nam.....

**ĐỖ XUÂN HẢI:** Cấu trúc tu từ của phần dẫn nhập bài báo nghiên cứu tiếng Anh.....

**PHIÊN VIỆT THƯƠNG - NGUYỄN VĂN LỢI:** Phát triển tư duy phê phán trong viết luận: tác động của diễn đàn thảo luận trên facebook.....

# VAI TRÒ CỦA NGÔN NGỮ TRONG TIẾP NHẬN VĂN HỌC (QUA NGHIÊN CỨU LOẠI HÌNH KÍ)

## THE ROLE OF LANGUAGE IN THE RECEPTION OF LITERATURE (IN TYPES OF RECORDS)

LÊ THỊ NHIÊN

(ThS; Trường Đại học Cần Thơ)

### 1. Việc tiếp nhận văn chương qua sự khám phá về bản chất của ngôn ngữ

Trong quá trình giải mã một văn bản văn học, hiện tượng nghĩa của văn bản bị hiểu nhầm hoặc được giải thích theo nhiều cách khác nhau là khá phổ biến. Bởi vì, quá trình tiếp nhận văn bản là quá trình khám phá ý nghĩa được làm nên bởi hệ thống kí hiệu ngôn ngữ. Muốn hiểu bản chất của một loại hình nghệ thuật phải hiểu được chất liệu làm nên loại hình ấy. Vì vậy, nếu không nghiên cứu ngôn ngữ, lí luận văn học sẽ đi đến những kiến giải mang tính xã hội học và không đi đến tận cùng bản chất của tác phẩm văn chương.

Qua các công trình nghiên cứu, các học giả đã cho thấy vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong việc tiếp nhận văn chương. Trong công trình *Đại cương về ngôn ngữ học* viết vào đầu thế kỉ XX, Ferdinand de Saussure đã chỉ ra rằng, ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu, một hệ thống ngữ pháp tồn tại dưới dạng tiềm năng trong mỗi bộ óc và hai yếu tố của ngôn ngữ là cái biểu đạt và cái được biểu đạt cũng ẩn chứa nhiều tiềm năng ngữ nghĩa. Hai yếu tố này quan hệ khăng khít như hai mặt của một tờ giấy, không thể có mặt này mà lại thiếu mặt kia. Chính vì tồn tại dưới dạng tiềm năng trong mỗi bộ óc nên cùng một lớp vỏ ngôn ngữ hai yếu tố này cũng biến đổi đa dạng trong những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau.

Song hành với F.de.Saussure, có nhiều quan điểm khác nhau về ngôn ngữ, trong đó phải kể đến quan niệm của các nhà Hiện tượng học. Triết gia người Đức, Edmund Husserl, quan niệm: thông điệp đã được ý thức chủ quan kiến tạo từ trước, ngôn ngữ chỉ là công cụ thứ yếu để truyền đạt thông điệp. Quan điểm này cực đoan ở chỗ đề cao vai trò của chủ thể, dẫn đến

cách lí giải phiến diện, cho rằng văn bản văn học chỉ có một nghĩa duy nhất, nghĩa này do tác giả tạo nên. Điều này đòi hỏi người đọc bằng cách nào đó phải tôn trọng nghĩa chủ ý của tác giả văn bản. Khác với E.Husserl, Martin Heidegger cho rằng, ngôn ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà nó có khả năng tạo lập một đời sống riêng độc lập với chủ ý ban đầu của người phát ngôn, thậm chí phản bội lại người phát ngôn: "*Mối nguy hiểm của các cuộc nói chuyện của chúng tôi ẩn chứa trong bản thân ngôn ngữ, chứ không phải trong cái mà chúng tôi nói tới, cũng không phải có trong việc chúng tôi thể nghiệm việc đó như thế nào*" [8, tr.232]. Như vậy, khi người phát ngôn tạo ra một thông điệp thì người tiếp nhận phải có một khả năng tương tự, một nỗ lực ngang bằng để hiểu được thông điệp. Nhờ đó, vai trò của người tiếp nhận được đề cao đúng mức.

Năm 1960, Hans-Georg-Gadamer xuất bản công trình *Chân lí và phương pháp*. Ông đã có bước đi quan trọng trong việc tạo ra khái niệm ngôn ngữ học tường giải học và xem ngôn ngữ như là một vùng kinh nghiệm và là chân trời bản thể của tường giải học. Trong bài viết *Hans-Georg-Gadamer*, Julian Robert lí giải "*Theo Gadamer, ngôn ngữ là một hiện tượng lịch sử vì hai lí do. Thứ nhất, ngôn ngữ có tính cách thực hành. Ngôn ngữ là để truyền thông. Nó dùng để truyền đạt, tập hợp và xử lí thông tin. Năng lực để ngôn ngữ thực hiện những chức năng này phụ thuộc vào kĩ năng của những người sử dụng nó để hiểu về nhau trong bất cứ trường hợp đặc thù nào. Ngôn ngữ quy định ý thức; và sự quy định này lại phụ thuộc vào việc người ta đã truyền thông với nhau như thế nào. Cho nên đối với*

Godamer, "thông diễn học" có nghĩa là "hiểu" theo nghĩa cụ thể này" [12].

Vào thập niên thứ hai của thế kỉ 20, một số nhà ngôn ngữ học trẻ tuổi ở Xanh Petecbua và Matxcova liên kết với nhau thành lập hội nghiên cứu ngôn ngữ thơ. Họ tự xưng là Trường phái Hình thức Nga. Nhóm nghiên cứu này đã có đóng góp quan trọng đối với việc tiếp nhận văn chương khi nêu ra quan niệm về ngôn ngữ thi ca (ngôn ngữ văn chương). Theo họ, ngôn ngữ thi ca là "một hệ thống ngôn ngữ có quy luật đặc thù và lấy đó làm điểm xuất phát để chế tác những công cụ phân tích tác phẩm thơ và văn xuôi" [11, tr.75]. Ngoài ra, trường phái nghiên cứu này còn cho thấy ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ có giá trị tự thân, thường được lạ hóa và tự động hóa. Ngôn ngữ văn chương ví như "con tắc kè hoa" thay đổi không ngừng trong quá trình đến với người đọc.

Để văn bản trở thành tác phẩm văn học thì văn bản đó cần phải được đọc. Nói như các nhà Hiện tượng học, văn bản đó cần một hoạt động có ý thức chủ quan của người đọc hướng tới nó. Với hệ thống kí hiệu phi vật thể ẩn chứa nhiều nghĩa khác nhau và luôn biến động, tác phẩm văn học có phương thức tồn tại riêng thông qua việc người đọc giải mã ngôn ngữ.

Việc giải mã ngôn ngữ văn bản văn chương đưa đến những đặc điểm sau trong quá trình tiếp nhận. Thứ nhất, cấu trúc và chức năng của ngôn ngữ hình thành cấu trúc và chức năng của thể loại. Thứ hai, tính kí hiệu của ngôn ngữ tạo nên hình tượng và tính chất mở cho văn bản, từ đó tạo nên các tình huống giao tiếp và sự thỏa thuận giữa văn bản với người đọc. Khi nghiên cứu các công trình của Derrida, Trương Đăng Dung nhận thấy: "Văn học không phải là hình thức ngôn ngữ đặc trưng mà là hình thức đọc đặc trưng. Văn học sử dụng mọi loại ngôn ngữ có mặt bí mật khắp nơi; với cấu trúc tự giải, nó là văn bản tự khác với chính nó" [2, tr.12].

2. Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận loại hình kí

Trong quá trình tiếp nhận văn bản văn học, mỗi loại, thể đến với người đọc bằng một "ngôn ngữ riêng". Trịnh Bá Đĩnh nhận thấy, các nhà nghiên cứu văn học theo cấu trúc luận hiện đại xem các yếu tố cấu thành cấu trúc như là những chức năng khi ông nêu lên quan niệm của E. Benveniste: "Giải thích ngôn ngữ như một hệ thống tức là phân tích nó như một cấu trúc. Bởi vì mỗi hệ thống bao gồm các đơn vị quy định lẫn nhau, do đó nó phân biệt với những hệ thống khác bởi những quan hệ bên trong giữa các đơn vị này, điều đó tạo thành cấu trúc" [6, tr.78]. Khi nghiên cứu văn học, việc các tác phẩm được phân chia theo những loại, thể, ... khác nhau chịu sự chi phối của cấu trúc ngôn ngữ.

Trong các loại hình văn học, "Kí là một loại hình văn học không thuần nhất. Đó là một lĩnh vực văn học bao gồm nhiều thể loại, chủ yếu là văn xuôi ghi chép, miêu tả và biểu hiện những sự việc, con người có thật trong cuộc sống" (Phùng Ngọc Kiếm) [14, tr.241]. Tiếp nhận loại hình văn học này, người đọc phải nắm bắt được "nòng cốt riêng" được tạo nên bởi chất liệu chính là ngôn ngữ.

### 2.1. Ngôn ngữ và vai trò định hình thể loại trong loại hình kí

Khi phân chia loại hình kí thành các thể loại, các nhà nghiên cứu đã chọn ngôn ngữ làm cơ sở. Bởi vì "ngôn ngữ là yếu tố đầu tiên trong quá trình chuẩn bị và sáng tạo tác phẩm; nó cũng là yếu tố xuất hiện đầu tiên trong sự tiếp xúc của người đọc với tác phẩm" (Đoàn Đức Phương) [3, tr.148].

#### 2.1.1. Dựa vào chức năng giao tiếp của ngôn ngữ

Trải qua quá trình nghiên cứu ngôn ngữ, các chức năng cơ bản của ngôn ngữ đã được xác lập. K. Buhler (thời kì Cấu trúc luận) cho rằng, ngôn ngữ có chức năng biểu diễn và chức năng biểu cảm, Jacobson (thời kì Hậu cấu trúc luận) nhấn mạnh chức năng tham chiếu và chức năng tình cảm. Các nhà ngôn ngữ thời kì của Chủ nghĩa Chức năng và Ngôn ngữ học xã hội như Halliday, Lyons chú ý đến chức năng ý niệm-tư tưởng, chức năng liên

nhân, chức năng mô tả và chức năng biểu hiện mang tính xã hội. Họ thừa nhận ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp vạn năng, có chức năng biểu hiện trực tiếp tư duy. Trong giao tiếp, ngôn ngữ thực hiện nhiều chức năng khác nhau nhưng có ba chức năng cơ bản: chức năng hướng tới người nói, chức năng hướng tới người nghe và chức năng biểu hiện.

Từ góc độ chức năng giao tiếp của ngôn ngữ, kí được chia thành hai loại, kí báo chí và kí văn học. Tuy nhiên, sự phân loại này chỉ mang tính chất tương đối. Đồng thời, việc phân chia loại hình kí thành kí văn học và kí báo chí không xem xét ở chất lượng nghệ thuật của tác phẩm mà xem xét dựa trên mục đích và đối tượng phản ánh.

Ngôn ngữ của kí báo chí và kí văn học đều mang chức năng cung cấp thông tin. Tuy nhiên "Ở kí báo chí tính xác thực phải được bảo đảm ở mức tuyệt đối, và tính thời sự cũng mang tính chất thật cấp bách, có khi hằng ngày, hằng giờ" [13, tr.274]. Trong kí báo chí, ngôn ngữ chỉ thời gian, không gian thường chính xác, cụ thể; ngôn ngữ chỉ số liệu, tư liệu được sử dụng để tăng tính thuyết phục và độ tin cậy của thông tin. Mở đầu bài kí *Những ngôi bút lửa*, nhà báo Lê Văn Nuôi viết: "'Năm đen tối" 2003 của báo giới khắp thế giới đã qua đi, với 42 phóng viên thiệt mạng và hơn 120 người vẫn còn bị cầm tù, do dám cầm bút bảo vệ sự thật hay gặp tai nạn khi đang tác nghiệp (công bố của Tổ chức Nhà báo không biên giới - R.S.F, đăng trên Tuổi trẻ 4-5-2004)" [10, tr.10]. Trong bài kí *Nhà báo trẻ, anh ở đâu?*, các số liệu được sử dụng không chỉ mang chức năng cung cấp thông tin mà còn thể hiện thái độ, cảm xúc của người viết: "Tôi không khỏi băn khoăn khi nghe công bố bảng phân tích thành phần và tuổi tác của Đại hội nhà báo lần 6 này: chỉ có 24 nhà báo dưới 40 tuổi trên tổng số 325 đại biểu" [10, tr.20]. Khi viết các loại kí báo chí, đặc biệt là phóng sự, người viết phải thâm nhập thực tế để miêu tả đối tượng một cách khách quan và chính xác nhất. Người viết là người quan sát, ghi chép và sử dụng lời kể trực tiếp của nhân

vật trong bài kí. Trong phóng sự *Kí nghệ lập Tây*, Vũ Trọng Phụng xen nhiều đoạn đối thoại bằng tiếng Pháp của các nhân vật:

"- Va-tăng! Ê nút-suyt! (Bước ngay tức khắc!)"

Bấy giờ ông chống bị đuổi mới hỏi:

- Rê pet tờ cơ tuy viêng đờ đĩa (Mày thế nói lại những lời vừa nói tao nghe!)"

Tức thì, rồ rọ vào mặt chồng, người đàn bà lại:

- Moa ba bơ toa! Sí toa phe két sớt, moi điếc com mămng đặng phe toa xếp linh ề toa pát sê công sây đờ ghe! (Tao không sợ mày. Nếu mày làm gì tao, tao trình quan tư bỏ nhà pha mày và lói mày ra tòa án binh)"

Thật ra, ngôn ngữ đối thoại không phải là dấu hiệu của phóng sự, tuy nhiên, việc tác giả ghi lại những điều mắt thấy tai nghe kèm theo những chú thích cụ thể đã tạo nên hiệu quả trong việc tái dựng hoàn cảnh và tình huống tiếp xúc trong cảm nhận của người đọc.

Đối với kí báo chí, ngôn ngữ phải mang sắc thái khách quan, trong khi "kí văn học không đòi hỏi như vậy, ngược lại nó đề ra yêu cầu cao hơn về chất suy nghĩ và tình cảm của chủ thể" [13, tr.274]. Ngôn ngữ chỉ thời gian hay số liệu trong các tác phẩm kí văn học cho thấy tư duy nghiêm cứu và sự tinh tế của người viết. Nguyễn Tuân sử dụng loại ngôn ngữ thông tin như một thủ pháp nghệ thuật. Trong tập *Bút kí thăm Trung Hoa*, có mục ông viết rõ về sân khấu: "Có tất cả 110 đoàn quốc doanh gồm 3 đoàn ca vũ 38 đoàn thoại kịch (các đoàn thoại kịch đã diễn 7.180 lần, thu hút 7 triệu 35 vạn khán giả) và 69 đoàn tuồng" [4, tr.872]. Miêu tả con sông Đà, Nguyễn Tuân cung cấp: "Từ biên giới Trung Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rông rần, và tính toàn thân Sông Đà thì chiều dài là 883 nghìn thước mét chảy qua hai nước Việt Nam, Trung Quốc anh em" [4, tr.1098]. Ông đã đếm cầu Hiền Lương có 7 nhịp, 984 miếng ván và dài 178 mét, chia đôi mỗi bên 89 thước và có 450 tấm ván cầu thuộc về Bắc, ta hơn được mấy tấm; quan sát hành trình con ong làm ra giọt mật đã phải bay 8.000 cây số với 2.700.000

chuyến bay và nửa lít mật ong làm từ chất ngọt của 5 vạn loài hoa. Đó không chỉ là hành trình gian khó của con ong làm ra mật mà còn là chiêm nghiệm của người nghệ sĩ về hành trình sáng tạo nghệ thuật. Máy tằm ván cầu ông đếm được cũng thể hiện cái tình của mình hướng đến miền Nam.

Chính vì vậy, xét từ phương diện chức năng, ngôn ngữ kí báo chí và kí văn học vừa có nét chung vừa có nét riêng. Cùng chức năng cung cấp thông tin nhưng thông tin kí văn học mang lại không cấp bách như kí báo chí nhưng cụ thể, chi tiết, không mang tính thời sự nhưng có chiều sâu suy ngẫm.

### 2.1.2. Dựa vào phương thức biểu đạt của ngôn ngữ

Theo phương thức biểu đạt ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu phân chia loại hình kí thành kí tự sự, kí trữ tình và kí chính luận. Trong đó, kí tự sự bao gồm kí sự, phóng sự, truyện kí, du kí, hồi kí,...; kí trữ tình bao gồm nhật kí, tùy bút, bút kí,...; kí chính luận có thể loại cơ bản là bút kí chính luận. Mặc dù các yếu tố tự sự, trữ tình và chính luận không hoàn toàn tách rời, phân chia ranh giới rõ ràng nhưng ở một mức độ nào đó, người đọc vẫn có cơ sở nhất định để phân biệt.

Thứ nhất, đối với loại kí tự sự, ngôn ngữ trần thuật, miêu tả được sử dụng chủ yếu. Người viết có thể kể về một sự kiện đã chứng kiến, một con người đã được gặp trong cuộc sống kết hợp với miêu tả hoàn cảnh nhân vật, bối cảnh xã hội, bức tranh thiên nhiên để tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm. Trong khi đó, ngôn ngữ của kí trữ tình thiên về miêu tả, bộc lộ cảm xúc và suy nghĩ của người viết trước hiện thực. Bên cạnh đó, kí trữ tình còn sử dụng ngôn ngữ bình luận, biểu cảm đan xen, kết hợp với ngôn ngữ trần thuật. Thể loại kí chính luận sử dụng chủ yếu ngôn ngữ chứng minh, bình luận, có đan xen sự châm biếm để bộc lộ thái độ của người viết.

Vào thập niên 80 của thế kỉ 18, Lê Hữu Trác viết *Thượng kinh kí sự*. Tác giả thiên kí sự không chia thành chương mục mà dùng thời gian để làm mốc kể lại sự kiện. Chẳng hạn,

"Ngày mười hai, thấy hai người sai dịch của quan Thọ trấn bàn hạt đến nhà đưa thư [...]. Ngày mười bốn, tôi làm lễ cáo tế thiên thánh, hát một chầu. Ngày mười sáu, các học trò lại mượn có tôi sắp đi xa cho bày một chầu hát nữa để mừng. Ngày mười bảy, tôi thu xếp hành li, sách vở mica gánh, gươm đàn một túi, xuống thuyền theo đường thủy nhằm phía trạm Vinh Dinh mà đi" [6, tr.399-400]. Trong hành trình lên kinh, ông đã đi qua những đâu, khung cảnh như thế nào; gặp gỡ những ai, nói và làm việc gì đều được trần thuật và miêu tả khá chi tiết. Mở đầu truyện kí *Người mẹ cầm súng*, Nguyễn Thi đã dùng ngôn ngữ trần thuật khách quan để giới thiệu nhân vật: "Tại xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh có một người đàn bà đã sáu con tên là Nguyễn Thị Út. Dáng người nhỏ gọn, chị có khuôn mặt tròn và đôi mắt to, sáng. Có bác lớn tuổi quen gọi chị là con út Trầu, vì chị hay ăn trầu. Lại có người đặt danh chị là "Bà Hồng" vì chị đánh giặc rất giỏi. Xóm giềng theo tục địa phương, ghép luôn tên chị với tên chồng, cứ kêu là út Tịch. Mới đây bà con lại bàn tán một chuyện mới xảy ra về chị" [5, tr.388]. Trong suốt tác phẩm, những sự kiện liên quan đến nhân vật được kể theo lôgic trần thuật khách quan như thế. Tất cả những tình cảm, sự ưu ái của người kể đối với nhân vật đều ẩn đằng sau lớp vỏ ngôn ngữ mang sự kiện. Khi tiếp nhận tác phẩm, những yêu ghét của người đọc cũng tự nhiên mà đến, không bị gò bó, "chỉ đạo" bởi bóng dáng của người trần thuật.

Ngôn ngữ miêu tả trong kí trữ tình là phương thức thể hiện chất thơ và xúc cảm của người viết. Giang sơn gấm vóc đã tạo nên hình ảnh thơ mộng trong nhiều bài kí. Đó là "sóng Bến Hải hai bên bờ không có dây thép gai chằng chịt mà chỉ có những nương sản xanh rờn mọc gần lấp kín những lỗ cốt cũ. Nước sóng xanh ngắt loang loáng mặt trời, trôi quanh quanh giữa hai bờ thấp thấp, trông mềm mại đẹp mắt như một dải lụa màu lấp lánh ánh đèn của một cô vẫn công đang mùa" (Phùng Quán) [4, tr.107]. Trong bài kí *Trận Thanh Hương*, Nguyễn Khắc Thứ miêu tả:

"Đồng bằng sáng hẳn lên. Đồng lúa xanh tươi óm chám lấy những lũy tre làng" [4, tr.190]. Bên cạnh đó, tâm tình và khát vọng của con người cũng được người viết kí miêu tả chân thành và dạt dào tình cảm: "Một năm, hai năm rồi năm năm, bảy năm. Lòng tin tưởng vào lãnh tụ đã soi sáng cho mẹ, cho con cái mẹ, cho làng xóm mẹ trên mỗi bước đường kháng chiến. Từ một tia sáng nhỏ trong lòng, mẹ đã đổi thành một mặt trời rực rỡ" (Lưu Trọng Lu) [4, tr.7]. Tình yêu quê hương đất nước và tình cảm gắn bó với con người khắc sâu trong tâm hồn người viết kí cho nên mỗi dòng, mỗi chữ đều được lựa chọn công phu, hợp lí và sử dụng hiệu quả trong những tình huống khác nhau. Cảnh và tình như hòa quyện trong từng trang viết.

Thứ hai, trong kí tự sự, hệ thống sự kiện, nhân vật đôi khi được sắp xếp tạo thành một cốt truyện. Vì vậy, ngôn ngữ đối thoại được sử dụng phổ biến để khắc họa chân dung nhân vật. Trong truyện kí *Người mẹ cầm súng*, cuộc đối thoại của em bé gái ốm tong teo với các anh bộ đội đã cho thấy khí phách của người con gái anh hùng trong tương lai:

"- Tại sao em xin đi?

Em nói:

- Ở đợ cực quá mà.

- Đi đánh Tây cũng cực vậy?

- Đánh Tây sướng bằng tiên chớ cực gì?

Các anh đều cười, em nói tiếp:

- Nó đánh mình, mình đánh lại nó mới sướng chớ. Em ở đợ, chủ đánh em, em phải chạy" [5, tr.347].

Trong lúc đối đầu với cái chết, chị đã dũng cảm nghĩ: "Tao có hi sinh thì bốn con tao nhán dân nuôi chớ không lo gì". Người phụ nữ Nam bộ không chỉ gan dạ, dũng cảm mà còn có niềm tin sắt đá vào đồng chí, đồng bào. Qua những điều chị nói, chị nghĩ, vẻ đẹp tâm hồn chị toát lên sự hào sảng, phóng khoáng và cả sự kiên nghị, quả cảm.

Kí trữ tình lại thiên về tâm trạng hơn cốt truyện nên ngôn ngữ độc thoại được sử dụng chủ yếu để làm khắc họa nội tâm nhân vật. Trong kí trữ tình, ngôn ngữ đối thoại có chăng

cũng chỉ là cái cớ cho sự xuất hiện của ngôn ngữ độc thoại. Cho nên, khi tiếp nhận kí trữ tình, yếu tố ngôn ngữ cần chú ý là yếu tố độc thoại. Lời anh đội trưởng trong tùy bút *Đường chúng ta đi* của Nguyễn Trung Thành: "- Ngủ đi, ngủ cho ngon. Mai sẽ làm một trận tiêu diệt thật gọn!" làm dậy lên nỗi lòng của người chiến sĩ giữa đêm rừng: "Tôi nghe lời, nhắm mắt, rồi mở mắt. Không ngủ được. Sáng mai chúng tôi sẽ ra trận. Tôi bồi hồi suy nghĩ vì việc đó ư? Không, tôi là một người lính cũ. Trong đời tôi, đêm nay là đêm chuẩn bị ra trận lần thứ bao nhiêu rồi, cũng không còn nhớ rõ. Điều gì đây? Có gì đây đang trào dậy trong lòng tôi, như một linh cảm mơ hồ, như một hơi men cay, một cơn sóng ngầm xao động ở tận chỗ sáu kln của tám hồn" [5, tr.279].

Chính vì sự lựa chọn phương thức biểu đạt khác nhau nên giọng điệu trong các thể loại kí cũng khác nhau. Giọng điệu chủ đạo của kí tự sự là giọng trần thuật khách quan trong khi kí trữ tình thiên về những cảm xúc chủ quan của người viết trước những hiện thực được phản ánh. Kí chính luận là thể loại bày tỏ quan điểm, thái độ của người viết nên giọng điệu tranh luận, đấu tranh được sử dụng chủ yếu. Bởi vì kí là một thể loại linh động nên ngôn ngữ xét ở phương diện chức năng hay phương thức biểu đạt đều có sự kết hợp, đan xen để đạt hiệu quả nghệ thuật cao nhất, phản ánh đối tượng một cách sâu sắc và sinh động nhất.

## 2.2. Tính kí hiệu của ngôn ngữ và những khả năng của ngôn ngữ trong loại kí

Trước hết, văn bản văn học có tính chất kí hiệu. Bản thân câu chữ, hệ thống hình tượng được thể hiện trong văn bản đều là những kí hiệu mang nghĩa trong quá trình giải mã. Nói như nhà ngôn ngữ học Cao Xuân Hạo "Các ngôn ngữ khác nhau có thể giống nhau một cách kì lạ về những khái niệm và ý nghĩa mà nó cần phân biệt và diễn đạt. Nhưng các ngôn ngữ lại có thể khác nhau một cách kì lạ không kém về những phương tiện được dùng để truyền đạt các khái niệm và các ý nghĩa ấy" [1, tr.56]. Sự phong phú trong phương thức

diễn đạt và sự mơ hồ là yếu tố tạo nên tính đa nghĩa trong ngôn ngữ văn chương.

### 2.2.1. Tính hình tượng và nghĩa của hình tượng

Khi tiếp nhận tác phẩm kí, người đọc trải rộng tầm nhìn qua những hình tượng nghệ thuật được tác giả kì công khắc họa bằng ngôn ngữ. Trong các tác phẩm kí giai đoạn 1945 - 1975, bằng khả năng biểu hiện đa dạng của ngôn từ, nhiều hình tượng khi đến với người đọc được mở ra bằng một trường nhìn có chiều sâu văn hóa và tư tưởng.

"Tiếng hát" là hình tượng xuất hiện khá nhiều và "hóa thân" không ngừng trong kí thời kì kháng chiến. Trong *Đường chúng ta đi*, tiếng hát thần thánh, thiêng liêng gọi lên cả một miền yêu thương, một thời quá vắng oai hùng: "Một giọng hát dân ca, ngân nga bát ngát như cánh cò trên đồng lúa miền Nam chạy tới chân trời, có lúc rụt rè, e thẹn như khóe mắt người yêu mới gặp, có lúc tinh nghịch, duyên dáng như những đôi chân nhỏ thoăn thoắt gánh lúa chạy trên những con đường làng trợn lẫn bóng tre và bóng nắng... [...]. Từ trong máu lửa cháy đỏ cả lịch sử, chúng ta lên tiếng nói, và tiếng nói ấy lại là tiếng hát trữ tình diễm đạm trong sáng, duyên dáng và say sưa như một cuộc hẹn hò, xao xuyến như buổi gặp gỡ ban đầu. Một dân tộc đánh giặc bốn nghìn năm mà tiếng hát vẫn êm dịu, uyển chuyển như vậy, dân tộc ấy mãnh liệt và bình tĩnh biết chừng nào" [5, tr. 280-281]. Tiếng hát trong tùy bút *Dòng kinh quê hương* của Nguyễn Thi da diết, trở đi trở lại như kỉ ức, như một nỗi nhớ khắc khoải: "Vẫn như có một giọng hò đang ngân lên trong không gian có mùi quả chín, một mái xuồng vừa cặp bến có tiếng trẻ reo mừng, và sau lưng tôi, tiếng gõ bành vừa ngưng lại thì một giọng đưa em bổng cất lên [...] Giọng hát thấm đượm những điều gì như tâm lòng của dân tộc đang nói với ta, như từ bao đời nay rồi ta từng thỏ lộ với mình và mình lại nói với ta, về lòng chung thủy, về tình thương nhớ" [5, tr.318]. Có tiếng hát như hào khí, như ý chí hiên ngang của những người con anh hùng ngã xuống cho quê

hương sừng sững: "Mười bốn năm trước, lúc Võ Thị Sáu bước ra pháp trường, chị có cất lên tiếng hát. Bây giờ lịch sử chưa sưu tầm được là bài hát gì, nhưng chúng ta nhớ rất rõ rằng đã có một buổi sáng giữa tiếng sóng thủy triều âm ì của mặt biển, chân trời vừa ửng lên những rặng đỏ đầu tiên, chen vào trong tiếng gió sớm và tiếng loảng xoảng của xiềng xích, người con gái quang vinh đó đã cất lên tiếng hát để ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi tương lai và vĩnh biệt chúng ta" [5, tr.325]. Phùng Quán day dứt bởi câu hò của những người chèo đò ngang sông Bến Hải. Tiếng hò như lời hứa hẹn, lời thề Nam Bắc chung thủy một lòng: "Trăm năm dầu lối hẹn hò/Sóng thành giới tuyến con đò vẫn đưa./Con đò năm ngoái năm xưa/Sóng thành giới tuyến vẫn lùa con đò" [4, tr.111-112].

Nguyễn Tuân xuôi giữa sông Đà, say tiếng hát ngợi ca độc lập, ngợi ca kì công của những con người lao động: "Vẳng bên tai tôi là gió Sông Đà với dư ba tiếng hát của tất cả lái đò Sông Đà xô ngân lên cái vui lao động trên mặt nước đất nước mình làm chủ từ những hôm giải phóng Sông Đà" [4, tr.1103]. Khi tiếp nhận hình tượng tiếng hát, người đọc có sự nối kết, có cơ sở để thêm một lần nữa khẳng định ý nghĩa của lời ru, câu hát trong việc nuôi dưỡng tâm hồn "Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn" (Nguyễn Duy). Lời hát như một phần không thể thiếu trong chiều sâu tâm tưởng của con người Việt Nam. Tinh thần "tiếng hát át tiếng bom", phong trào "hát cho dân tôi nghe",... trong những năm kháng chiến tôn lên lòng yêu nước, niềm tin lạc quan, ý chí kiên cường của dân tộc được thể hiện giản dị mà sâu sắc.

Trong nhiều bài kí, "dòng sông" là hình tượng gắn liền với lịch sử của dân tộc và hành trình cuộc sống của con người. Trong bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tạo tác nên sông Hương - một dòng sông mang vẻ đẹp vừa giản dị vừa kiêu sa, vừa gần gũi vừa trác tuyệt. Sông Hương là biểu tượng cho dòng sông lịch sử: "Thế kỉ mười tám, nó về vang soi bóng kinh thành Phú



*Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ; nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ mười chín với máu của những cuộc khởi nghĩa, và từ đây sông Hương đã đi vào thời đại Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển*" [15, tr.201]. Sông Hương cũng là biểu tượng về cuộc sống của con người với những nét đẹp văn hóa cổ xưa và những đổi thay, biến chuyển không ngừng. Trong sự miêu tả của Hoàng Phủ Ngọc Tường, sông Hương từ một biểu tượng của hiện thực đã trở thành một biểu tượng của thi ca. Dòng sông còn là biểu tượng cho sự chia cắt, minh chứng tội ác kẻ thù gieo rắc: "*Muốn sang miếng đất Củ Chi đầy máu lửa này thì phải vượt sông Sài Gòn [...]. Khó khăn còn rất nhiều, nhưng cũng giống như Cán đã băng qua con sông Sài Gòn đang chuyển sang mùa nước bạc, có lẽ bước đi lên bằng những bước từ lâu đã được kết luận rõ ràng rồi*" (Những sự tích ở Đất Thép) [5, tr.397,425]. Dòng sông mang sức mạnh của dân tộc Việt Nam gan góc, táo bạo, anh hùng: "*Như tất cả những dòng sông anh hùng ấy của Tổ quốc, nó tung lên những ngọn sóng thần bất ngờ cuốn xác bất cứ loài xâm lược nào dẫm in cái bóng của chúng lên mặt nước trong xanh, và sẽ chôn vùi xác tàu của chúng vào dưới đáy phù sa quên lãng của nó*" (Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu) [5, tr.942-943]. Dòng sông là hiện thân cho những khó khăn, vất vả, thử thách ý chí của con người: "*Sông Hậu Giang rộng mênh mông, bề ngang bốn kilômét, chèo thẳng tay cũng mất ba tiếng*" [5, tr.344]. Nhưng người mẹ vắt đũa con mới đẻ, lội đứng, lại còn phải điều khiển 3 đũa con bám theo mép xuống chìm lơ dờ, thả trôi. Và "*hai tiếng đồng hồ, sóng lớn, sóng cả đã thua chị*" (Người mẹ cầm súng) [5, tr.345]. Những người lái đò phải giao chiến hàng ngày, hàng giờ với sông Đà nhưng sau cuộc vượt thác: "*cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi*" (Sông Đà) [4, tr.1095]. Với họ, cuộc vượt thác sông Đà mang đến thanh âm trong cuộc sống hàng

ngày, minh chứng khả năng chinh phục thiên nhiên của con người lao động mới.

Những hình tượng được tạo nên từ hệ thống kí hiệu ngôn ngữ đã tạo nên vô vàn cách tiếp nhận trong quá trình người đọc giải mã văn bản. Người đọc càng có nhiều kinh nghiệm, cảm đón nhận càng cao thì quá trình giải mã càng phong phú và khoảng cách giữa nghĩa chủ ý (từ người phát ngôn) với nghĩa phát sinh (từ người tiếp nhận) càng được rút ngắn.

### 2.2.2. Tính chất mở của kí hiệu ngôn ngữ

Theo quan niệm của Bakhtin, mỗi thể loại lời nói là một diễn ngôn, thể loại văn học vì thế cũng là một diễn ngôn: "*tất cả mọi đặc điểm của diễn ngôn mà tôi biết là tính kí hiệu thuần túy, tính thích ứng phổ biến về ý thức hệ, tính tham dự giao tiếp đời sống, trở thành tính chức năng bên trong của diễn ngôn, và cuối cùng là tính tồn tại tất yếu của các hiện tượng kèm theo của mọi hành vi ý thức hệ*" [9, tr.357].

Từ phương diện này, có thể thấy, ngôn ngữ tạo ra khả năng mở trong văn bản ngay từ thể loại. Trong công trình *Văn học, thế giới mở*, Nguyễn Thành Thi đã chứng tỏ quá trình thâm nhập, tương tác giữa các thể loại là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển của văn học. Khi khảo sát các thể loại trong loại hình kí, sự tương tác thể loại hết sức phức tạp. Không chỉ bản thân các thể loại trong loại hình kí "giao lưu" với nhau mà các thể loại này còn "giao lưu" với các thể ở loại hình tự sự, trữ tình... để tạo ra những ưu thế nhất định. Vũ Trọng Phụng đã kết hợp kí báo chí với tiểu thuyết tạo nên những tiểu thuyết phóng sự đặc sắc như *Giông tố*, *Vỡ đê*, *Số đỏ*,... Sự kết hợp kí với tiểu thuyết còn hình thành nên thể loại hồi kí - tự truyện, tiểu thuyết - tự truyện, một trong những thể loại sử dụng tư liệu về cuộc đời của người kể chuyện như bình diện thứ nhất của đối tượng phản ánh (*Gia đình bé mọn* - Dạ Ngân, *Thượng đế thì cười* - Nguyễn Khải...). Các cây bút giai đoạn văn học 1945 - 1975 đã kết hợp kí với truyện ngắn, nhiều tác phẩm truyện kí đã tái hiện chân thực, sinh động về những con người tiêu biểu trong thời

đại "ta ngộ gặp anh hùng" như Nguyễn Văn Trỗi (*Sống như anh* - Trần Đình Văn), Nguyễn Thị Út (*Người mẹ cầm súng* - Nguyễn Thi),... kí hiệu ngôn ngữ là kí hiệu thể loại đồng thời cũng nhận ra dấu hiệu tương tác thể loại thông qua ngôn ngữ.

Xuất phát từ tính chất của thể loại ghi chép, ngôn ngữ trong tác phẩm kí có khả năng tạo nên những cuộc đối thoại vượt thời gian và không gian. Nhờ sự kết nối chung là ngôn ngữ và tri thức, người đọc có thể nắm bắt những thông tin mà người viết kí truyền tải trải dài theo trục thời gian dù sự kiện đã lùi vào quá khứ: "Chúng ta nghe từ những người cộng sản nguyên thủy bốn nghìn năm trước đã theo đức tổ Hùng Vương đến sinh cơ lập nghiệp trên bãi phù sa sông Hồng, những người nô lệ nổi dậy trong cuộc khởi nghĩa của Trưng Vương, những người nông dân vót nhọn cọc sắt đâm thủng thuyền Ô Mã Nhi trên sông Bạch Đằng, những người dân cày chém chết Liễu Thăng dưới chân ai Chi Lăng, những người áo vải đã đánh trận phàn công vĩ đại của Nguyễn Huệ, diệt ba mươi vạn quân xâm lược Tôn Sĩ Nghị ở Đống Đa,..." (*Đường chúng ta đi*) [5, tr.282]. Ngòi bút của Nguyễn Trung Thành như ống kính của một nhà quay phim, lia nhanh qua từng chặng đường lịch sử của dân tộc Việt Nam. Người tiếp nhận bằng vốn hiểu biết riêng của mình đã đọc được những thông điệp của tác giả trong đó nổi bật lên lời nhắc nhở, lời thề quyết lòng bảo vệ quê hương - thành quả cha ông đã đổ bao xương máu gây dựng nên. Những thông điệp này sẽ còn được ngôn ngữ truyền đến những thế hệ mai sau và sự tiếp nhận lại được tiếp nối bằng vốn tri thức mới được tích lũy từ hiện thực xã hội.

Trong nhiều bài kí, ghi chép trải rộng theo chiều không gian. Vẻ đẹp đất nước hiện lên qua sự miêu tả của tác giả trong từng con chữ. Trong tùy bút *Những câu nói ghi trong đại hội*, Nguyễn Thi đã vẽ nên vẻ đẹp riêng của từng vùng đất quê hương: "*Chị Lịch, chúng ta cùng nhìn hình thể của Tổ quốc hôm nay: từ rừng núi Việt Bắc tới những đồi chè trung du; từ những rừng hoa ban như tuyết phủ ở Điện*

*Biên tới đồng bằng sông Hồng, từ Hà Nội, thủ đô yêu quý ngàn năm soi bóng nước Hồ Gươm tới những vườn cam Thanh - Nghệ, bờ cát trắng Quảng Bình, đồng muối Vĩnh Linh; từ bờ biển in bóng Trường Sơn ở Trị - Thiên xuống Tây Nguyên hùng vĩ, qua vườn dứa Bình Định, đồng mía Phú Yên tới vùng đất đỏ của rừng miền Đông óng ánh như dầu như mỡ; rồi từ Tháp Mười, cánh đồng ngàn năm ngan ngát hương sen tới đồng bằng Sông Cửu Long, quê hương của lúa, của cá, của những vườn trái cây chín bốn mùa"* [5, tr.342-343]. Bên cạnh đó, kí còn phác họa rất nhiều không gian xa xôi khác như Trung Quốc, Liên Xô,... Tầm hiểu biết về thiên nhiên, địa lí, lịch sử, văn hóa,... của người đọc về những đất nước ấy đã giúp rút ngắn khoảng cách giữa độc giả và đối tượng được miêu tả trong văn bản. Xuân Diệu viết *kí sự thăm nước Hung* đã bày tỏ một thực tế: trước đây hai nước Việt - Hung chưa từng biết nhau, nhưng cùng là các nước dân chủ nhân dân, phải thấy được "*phê dân chủ của ta mỗi nước là một phong phú, một đặc sắc, rằng vẫy cánh của chúng ta to, rộng, rằng anh em của chúng ta đông, nhiều*" [4, tr.241]. Tô Hoài viết *Thành phố Lenin, Tôi thăm Cam-pu-chia, Ở Nông-pênh*, Bùi Hiển miêu tả Ru-ma-ni, thảo nguyên Ca-dắc-xtan (Liên Xô), trong *Đường vui xứ bạn*, Nguyễn Tuân viết *Bút kí đi thăm Trung Hoa*,... Người viết, người đọc có thể nắm bắt được vẻ đẹp của từng quốc gia khác nhau được miêu tả trong kí dù không đồng nhất về nhiều mặt trong đó có ngôn ngữ là nhờ tính chất mở của hệ thống kí hiệu.

Điều này cho thấy mối liên hệ giữa văn bản văn học với các ngành khoa học khác như lịch sử học, văn hóa học, dân tộc học, nghệ thuật học, tôn giáo học,... Văn học không khép kín với chính nó và cũng không khép kín trong thời gian, không gian cụ thể nào.

### 3. Thay lời kết

Trong quá trình hình thành và phát triển, tư duy lí luận văn học có mối quan hệ khăng khít, tương trợ, bổ sung với tư duy triết học, đồng thời, sự vận động của tư duy lí luận văn học

luôn gắn liền với sự vận động của tư duy triết học. Mỗi hệ hình tư duy triết học để lại dấu ấn trong hệ hình tư duy lí luận văn học. Điều này chi phối mạnh mẽ đến các xu hướng lí thuyết văn học, trong đó có lí thuyết tiếp nhận mà trung tâm là sự lí giải văn bản của người đọc thông qua hệ thống ngôn ngữ.

Văn bản văn học thực chất là một bộ khung chưa hoàn thiện, cần được bổ sung và lấp đầy. Khi sáng tác, mặc dù nhà văn đã cố ý viết thật chính xác thì những hình tượng, vấn đề trong văn bản mỗi độc giả sẽ có một cách hình dung và cụ thể hóa khác nhau. Để văn bản trở thành tác phẩm văn học thì văn bản văn học đó cần phải được đọc. Đọc là sự cụ thể hóa văn bản. Dòng sông nghĩa của tác phẩm chảy dài theo năm tháng, người đọc mỗi giai đoạn sẽ đưa ra những ý nghĩa khác nhau. Cho nên, tác phẩm văn học là vật hai lần có ý thức: ý thức của tác giả và ý thức của người đọc.

Kí là một loại hình văn học phi hư cấu. Quá trình tiếp nhận văn bản kí chịu sự chi phối nhất định của mô hình thể loại. Ở tác phẩm kí, ngôn ngữ không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc xác lập thể loại mà còn tạo ra thế giới hình tượng trên nền tảng của hiện thực được người viết quan sát và trải nghiệm. Việc tiếp nhận loại hình kí từ góc độ ngôn ngữ một lần nữa khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong việc xác lập nghĩa và ý nghĩa của văn bản văn học. Đồng thời, quá trình tiếp nhận cũng cho thấy sự linh hoạt của loại hình kí trong tiến trình văn học Việt Nam.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Đăng Dung (2008), *Những giới hạn của cộng đồng diễn giải*, Nghiên cứu Văn học, 8, 50-62.

2. Trương Đăng Dung (2012), *Tri thức và ngôn ngữ trong tinh thần Hậu hiện đại*, Nghiên cứu Văn học, 1, 3-14.

3. Hà Minh Đức (chủ biên), (1997), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Trịnh Bá Đĩnh (chủ biên) (2009), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX (Tập văn và các thể kỉ Việt Nam 1945-1975), quyển 3, tập 6*, Nxb Văn học, Hà Nội.

5. Trịnh Bá Đĩnh (chủ biên) (2009), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX (Tập văn và các thể kỉ Việt Nam 1945-1975), quyển 3, tập 8*, Nxb Văn học, Hà Nội.

6. Trịnh Bá Đĩnh (2011), *Chủ nghĩa cấu trúc trong văn học*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

7. Nguyễn Thạch Giang (chủ biên), *Tinh tuyển Văn học Việt Nam (Tập 5 quyển 1) - Văn học thế kỉ XVIII*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

8. M. Heidegger (Trương Đăng Dung dịch) (1999), *Trên đường đến với ngôn ngữ - Đối thoại giữa một người Nhật và tác giả*, in trong Martin Heidegger (2004), *Tác phẩm Triết học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. M. Bakhtin (1998), *Bakhtin toàn tập, tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Bắc.

10. Lê Văn Nuôi (2012), *Nhật kí một nhà báo*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

11. Huỳnh Như Phương (2007), *Trường phái hình thức Nga*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Julian Robert (Đình Hồng Phúc dịch) (2013), *Hans-Georg-Gadamer*, [http://triethoc.edu.vn/vi/ban-tin-triet-hoc/danh-nhan-triet-hoc/hans-georg-gadamer\\_49.html](http://triethoc.edu.vn/vi/ban-tin-triet-hoc/danh-nhan-triet-hoc/hans-georg-gadamer_49.html)

13. Trần Đình Sử, Phương Lưu, Nguyễn Xuân Nam (1987), *Lí luận văn học, tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

14. Trần Đình Sử (chủ biên), Phan Huy Dũng, La Khắc Hòa, Phùng Ngọc Kiếm, Lê Lưu Oanh (2006), *Giáo trình lí luận văn học tập 2 - Tác phẩm và thể loại*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

15. Hoàng Phủ Ngọc Tường (1986), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, in trong SGK Ngữ Văn 12 - tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

**Abstract:** Language is the main material of literature. Thanks to the capacity of language, readers can identify the characteristics of literary genres. The rich iconic world of literary works are also explored thanks to the meaning-making potential of the semiotic system. This article aims to analyze the role of language in the reception of literature as revealed in types of records.

**Key words:** reception; readers; language; records.

# **LANGUAGE AND LIFE**

**A JOURNAL  
OF LINGUISTICS SOCIETY OF VIETNAM**

**AUGUST  
8(250)-2016**

**Editor-in-Chief  
PROF. DR. NGUYEN VAN KHANG**

**Vice Editors-in-Chief  
ASSOC. PROF. DR. PHAM VAN HAO  
ASSOC. PROF. DR. PHAN VAN QUE**

**Editorial Board**  
ASSOC. PROF. HOANG DUNG  
DR. DUONG KY DUC  
DR. NGUYEN VAN HAI  
ASSOC. PROF. DR. PHAN VAN HOA  
PROF. DR. NGUYEN QUANG HONG  
ASSOC. PROF. DR. BUI MANH HUNG  
PHAN DANG KHOA B.A.  
ASSOC. PROF. DR. DANG NGOC LE  
PROF. DR. DO THI KIM LIEN  
ASSOC. PROF. DR. TRAN VAN PHUOC  
DR. NGUYEN THI KIM THANH  
ASSOC. DR. LE VAN THANH  
PROF. DR. LY TOAN THANG  
PROF. DR. LE QUANG THIEM  
ASSOC. PROF. DR. TA VAN THONG  
ASSOC. PROF. DR. NGUYEN LAN TRUNG

**Administrator**  
DANG KIM DUNG M.A.  
Editorial Office: Floor 1, House C, Lane 301 Nguyen Trai  
Street, Thanh Xuan District, Hanoi.  
Tel: (84) (04) 3.7624212  
E-mail: ngonaguadoisong@gmail.com

**Representative Office:**  
In Da Nang City: 131 Luong Nhu Hoc, Cam Le District, Da  
Nang City; Tel: 0905110759  
Licence: 244/GP-BVHTT (7-8-2014)  
Index: ISSN 0868 - 3409

## **LANGUAGE AND LIFE**

*Is a monthly journal*

*published by the*

*Linguistics Society of Vietnam to promote and*

*pursue the scientific description and study of*

*the evolution and structure of languages. At the*

*same time, the Journal addresses a wider public,*

*offering news on linguistics findings,*

*answering queries about language, and*

*supporting different efforts to disseminate*

*linguistics perspectives on language issues.*

*Language and life also help improve the*

*linguistics level of readers interested in and wish*

*to learn more about Vietnamese and make it a*

*uniform, standardized and*

*beautiful*

*language.*

**GM: 25.000**